

Bản án số: 06/2025/HNGĐ -ST

Ngày 13/02/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Thao

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST - HNGĐ ngày 27/12/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1990

- Người có QLVN liên quan: 1.Cháu Nguyễn Thị Kh L, sinh năm 2011

2. Cháu Nguyễn V Kh, sinh năm 2014

Người đại diện của các cháu: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Đều trú tại: Đ X, ĐD, Â T, HY

Chị T, anh Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2024 và lời khai của chị T trình bày: Chị và anh Q tìm hiểu nhau một thời gian, quyết định tiến tới hôn nhân, anh chị về báo cáo gia đình, gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào năm 2010. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng sinh sống. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, đánh nhau do bất đồng quan điểm sống, anh Q uống rượu, chị tham gia anh Q chửi chị, đánh chị, gia đình có hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không giảm, vì vậy chị đi làm ăn, vợ chồng sống

ly thân nhau, anh chị vẫn liên lạc với nhau nhưng vì con cái còn tình cảm không còn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014. Hiện cháu Ly đang ở với chị, còn cháu Khang đang ở với anh Q. Anh chị thống nhất để chị tiếp tục nuôi cháu Ly, anh Q tiếp tục nuôi cháu Khang, đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai anh Q trình bày: Anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, được gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào năm 2010. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống cũng như công việc làm ăn hàng ngày và nhiều lý do khác, mặc dù đã ngồi nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng không có tiếng nói chung cho nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí ly hôn và anh đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải, vì lý do công việc nên anh đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014 và vợ chồng thỏa thuận như chị T trình bày là đúng.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Bà Đào Thị Thơ (Mẹ đẻ của chị T): Chị T, anh Q tự quen biết và tìm hiểu nhau, gia đình tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào năm 2010. Sau khi cưới chị T về ngay gia đình chồng chung sống. Sau 1 thời gian chung sống anh chị mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng nhau, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, gia đình hai bên hòa giải vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chỉ được một thời gian lại mâu thuẫn, vì vậy năm 2017 cháu cùng con gái lớn về nhà bà ở, gia đình anh Q và anh Q có đến xin lỗi thì chị T có nói vợ chồng cho nhau thời gian, nếu anh Q thay đổi thì chị T về ở, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh Q, việc anh chị có ăn ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

- Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014. Hiện cháu Ly đang ở với chị T và bà, còn cháu Khang đang ở với anh Q.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Xác minh tại UBND xã Đào Dương cung cấp: Chị T, anh Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào ngày 23/3/2010 tại số 27 quyển số 01.

Sau khi thành vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại Đào Xá, Đào Dương. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được nhưng chị T về nhà bố mẹ để ở Phần Dương, Đào Dương sinh sống từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Anh Q, chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014.

Về tài sản chung: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 13/02/2025: Anh Q, chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ viên quan người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết:

- Về căn cứ pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Về tình trạng hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q

- Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và cháu Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu Ly đang ở với chị T, cháu Khang đang ở với anh Q. Khi ly hôn, chị T và anh Q đã thống nhất chị T nuôi cháu Ly còn anh Q nuôi cháu Khang. Cả chị T, anh Q đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Ly, cháu Khang, cả hai cháu (cháu Ly, cháu Khang đã đủ 07 tuổi) cháu Ly mong muốn được ở với chị T, cháu Khang có mong muốn được ở với anh Q. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của anh Q và chị T cũng như nguyện vọng của các cháu và để đảm bảo cuộc sống ổn định, học tập và phát triển bình thường cho các cháu về mọi mặt nên giao cháu Ly cho chị T, giao cháu Khang cho anh Q, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành niên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi

con chung. Chị T, anh Q có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: chị T tự nguyện chịu án phí dân sự nên phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q, chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/03/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị T là hợp pháp. Nay chị T có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Q có ĐKHKTT và hiện đang sinh sống tại Đào Xá, Đào Dương, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh Q, chị T đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nhiều lý do khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, phù hợp với lời khai của bà Thơ (mẹ đẻ của chị T). Vợ chồng đã không còn quan tâm chăm lo đến nhau mà sống mỗi người một nơi, không liên quan đến nhau về kinh tế. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Q, chị T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng anh Q có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải. Anh Q, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy cả anh Q, chị T đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa anh Q, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh Q, chị T đã có thời gian dài sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q, chị T.

[3] Về con chung: Anh Q, chị T thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 và Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu Ly đang ở với chị T, cháu Khang đang ở với anh Q. Nay ly hôn, anh Q, chị T thống nhất thỏa thuận chị T tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng cháu Ly đến tuổi thành niên, anh Q tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng cháu Khang đến tuổi thành niên. Quan điểm của anh chị về con chung khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu Ly, cháu Khang và đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung. Vì vậy, HĐXX xét thấy để tránh xáo trộn trong

sinh hoạt, học tập của các cháu nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh Q, chị T. Quan điểm của chị T, anh Q không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Q, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS;
- Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Kh L, sinh ngày 13/01/2011 đến tuổi thành niên. Giao cho anh Nguyễn Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn V Kh, sinh ngày 26/7/2014 đến tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không giải quyết

4 - Về án phí : Chị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001418 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị T 150.000 đồng.

5- Quyền kháng cáo: Anh Q, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Đào Dương, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ái

